UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 775 /QĐ-UBND	*Yên Thế, ngày 08 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035, tỷ lệ 1/5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc Ban hành một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 838/QĐ-UBND ngày 03/08/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000);

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt Nhiệm vụ: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2035 (tỷ lệ 1/5.000);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 891/BC-KTHT ngày 06/11/2023, UBND xã Hồng Kỳ tại Tờ trình số 634/TTr-UBND ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ Án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035, tỷ lệ 1/5.000, với các nội dung chính sau:

1. Lý do và sự cần thiết

Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ được lập và phê duyệt từ năm 2010, sau 13 năm triển khai tổ chức thực hiện đã đạt được nhiều kết quả nhất định, năm 2022 xã Hồng Kỳ đạt chuẩn nông thôn mới. Tuy nhiên giai đoạn 2010 đến nay, các chính sách, chủ trương, các quy hoạch cấp trên và các cơ sở pháp lý lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn trong giai đoạn hiện nay đã có nhiều thay đổi; những dự án lớn, mang tính động lực đã và đang triển khai và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến các dự báo về phát triển dân cư, kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến ảnh hưởng tới đồ án quy hoạch chung xây dựng NTM xã Hồng Kỳ. Đặc biệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 đã được phê duyệt tác động mạnh mẽ đến huyện Yên Thế nói chung và xã Hồng Kỳ nói riêng. Do đó việc lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ giai đoạn 2022-2035 là cần thiết, đảm bảo việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2022-2035 phù hợp và thống nhất với quy hoạch cấp trên, làm cơ sở để địa phương triển khai công tác đầu tư xây dựng, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tạo tiền đề, điều kiện khai thác hợp lý, phát huy được những lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự liên kết trong vùng, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất một cách bền vững. Đồng thời, từng bước nâng cao điều kiện sống, dân trí của người dân, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại ở khu vực nông thôn, đáp ứng tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn theo kế hoạch.

2. Vị trí, ranh giới phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch

- Vị trí: Xã Hồng Kỳ cách trung tâm huyện Yên Thế khoảng 4km về phía Tây Nam, có địa giới hành chính xã được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp xã Đồng Hưu;

+ Phía Tây giáp xã Đồng Tâm;

+ Phía Nam giáp xã Đồng Kỳ;

+ Phía Bắc giáp xã Đồng Vương.

- Diện tích nghiên cứu: Toàn bộ địa giới hành chính xã Hồng Kỳ huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, diện tích tự nhiên: 896,70ha.

Dân số: Theo số liệu thống kê tại thời điểm dân số niên giám 2022 của huyện cung cấp là 4.003 người.

- Trong đó nam 2.034 người chiếm 50,81%, nữ 1.969 người chiếm 49,42%.

- Mật độ dân số 446 (người/km^2).

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của đồ án

Căn cứ theo QCXDVN 01: 2021/BXD và Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn.

+ Đất ở: ≥ 25m^2 đất/người.

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ: ≥ 5m^2/người.

+ Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật: ≥ 5m^2/người.

+ Đất cây xanh: ≥ 2m^2/người.

- Chỉ tiêu cấp nước: Tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- Chỉ tiếu cấp điện: Tối thiểu 200W/người.

- Tổng lượng nước thải (lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước).

4. Các nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung

4.1. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã xác định:

Khu trung tâm xã:

- Các công trình trụ sở cơ quan:

+ Khối nhà UBND xã, hiện trạng đã đạt chuẩn và đáp ứng được nhu cầu sử dụng của xã, do đó chỉ cần chỉnh trang các hạng mục phụ trợ như cảnh quan sân bãi đảm bảo tuân thủ đúng lộ giới giao thông của trục đường liên xã. Mở rộng thêm 0,25ha diện tích đất trồng lúa sau lưng UBND để làm khuôn viên phục vụ cảnh quan và nhu cầu sử dụng ngoài trời của xã.

+ Nhà trụ sở công an quy hoạch làm mới và mở rộng tòa nhà thêm 0,15ha.

- Công trình giáo dục:

+ Mở rộng trường Tiểu học Hồng Kỳ (0,84ha- Tổng 1,3ha) tại thôn Trại Nhất.

+ Mở rộng trường THCS Hồng Kỳ (2,3ha-Tổng 2,8ha) tại thôn Trại Hồng.

+ Mở rộng trường mầm non (1,1ha- Tổng 1,6ha) tại thôn Đền Giếng.

- Công trình y tế:

+ Quy hoạch mới trạm y tế tại thôn Trại Hồng 0,65ha.

- Công trình văn hóa thể thao:

+ Quy hoạch khu sân thể thao xã tại thôn Trại Nhất sát trường tiểu học xã diện tích 0,5ha.

Các khu du lịch - di tích:

+ Xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại đập hồ Cầu Cháy diện tích khoảng 60ha.

+ Quy hoạch khu thương mại dịch vụ-du lịch sinh thái hồ Suối Cấy 20ha.

+ Quy hoạch mở rộng di tích lịch sử Kỳ Đồng 0,5ha-Tổng 1,7ha.

4.2. Quy hoạch định hướng phát triển các khu trung tâm văn hóa thôn, xóm

- Đáp ứng các yêu cầu phát triển: Đổi mới về tổ chức sản xuất, sinh hoạt, đạt hiệu quả cao nhất trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng so với mô hình cũ. Mô hình xây dựng xã Hồng Kỳ mới là tổng thể những đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức nông thôn theo tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu đặt ra cho xã trong điều kiện hiện nay trên cơ sở tôn trọng mô hình cũ (truyền thống, đã có) và có tính tiên tiến về mọi mặt.

- Khu vực trung tâm văn hóa tại thôn xóm được định hướng quy hoạch cụ thể như sau:

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa- sân thể thao bản Làng Ba (0,15ha-Tổng 0,22ha).

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa- sân thể thao thôn Trại Hồng (0,08ha-Tổng 0,14).

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa- sân thể thao thôn Trại Hồng Nam (0,35ha-Tổng 0,47ha).

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa- sân thể thao thôn Đồng Nghĩa (0,6ha-Tổng 0,8ha).

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa- sân thể thao thôn Đền Giếng (0,1ha-Tổng 0,25ha).

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa- sân thể thao thôn Trại Sáu (0,06ha-Tổng 0,16ha).

+ Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa bản Đền Hồng (0,06ha- Tổng 0,2ha).

+ Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Trại Nhì (0,08ha- Tổng 0,6ha).

4.3. Quy hoạch phát triển điểm dân cư nông thôn

* Để quy hoạch có tính khả thi cao cần có các điều kiện sau:

- Quy hoạch có tính chất kế thừa hiện trạng.

- Hạn chế phải thay đổi các phân khu chức năng.

* Khu dân cư phát triển mới:

- Vị trí các điểm phát triển dân cư mới trong khu vực quy hoạch tại:

+ Quy hoạch Khu dân cư tập trung số 1 Hồng Kỳ với diện tích 6,0ha.

+ Quy hoạch Điểm dân cư thôn Trại Hồng 6,2ha.

4.4. Quy hoạch đất chức năng khác

+ Quy hoạch mới đất thương mại dịch vụ thôn Đền Giếng - Trại Hồng 1ha thay đổi từ quy hoạch đất tiểu thủ công nghiệp sang theo đề xuất của xã).

4.5. Quy hoạch định hướng phát triển vùng sản xuất

4.5.1. Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp:

a) Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp:

- Nông nghiệp: Quy hoạch khu trồng cây dược liệu 5ha tại bản Cầu Tư.

- Lâm nghiệp: Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2035 tập trung vào công tác bảo vệ diện tích rừng hiện có đáp ứng yêu cầu du lịch và bảo vệ môi trường.

b) Về sản xuất chăn nuôi:

- Quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung riêng biệt tại các thôn như sau:

+ Quy hoạch khu chăn nuôi dê, gia súc công nghệ cao tại bản Cầu Tư 10ha.

+ Quy hoạch trang trại chăn nuôi gia cầm 1,3ha tại thôn Trại Nhất.

c) Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Chú trọng công tác khuyến công, nhân rộng phát triển các nghề truyền thống hiện đang phát triển trên địa bàn xã, như nghề mộc dân dụng, may công nghiệp, cơ kim khí, sản xuất gạch không nung, chế biến thực phẩm, thêu ren...

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, nâng cao trình độ cho người lao động; phối hợp với các cơ quan đào tạo của thị xã và các doanh nghiệp để mở các lớp đào tạo dạy nghề phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của các doanh nghiệp.

Các điểm quy hoạch:

+ Quy hoạch điểm tiểu thủ công nghiệp 1 bản Cầu Tư 0,2ha.

+ Quy hoạch điểm tiểu thủ công nghiệp 1 bản Cầu Tư 2,4ha.

+ Quy hoạch điểm khai khác đất 1 bản Cầu Tư 2ha.

+ Quy hoạch điểm khai thác đất 2 bản Cầu Tư 11,5ha.

+ Khu khai thác đất thôn Trại Hồng 20ha.

+ Quy hoạch điểm tiểu thủ công nghiệp tại thôn Đền Hồng quy mô 11,5ha.

+ Quy hoạch điểm tiểu thủ công nghiệp thôn Trại Hồng 0,5ha.

5. Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích 2021	Tỷ lệ %	Năm 2030			Năm 2035		
					Tăng (+) / Giảm (-)	Diện tích Năm 2030	Tỷ lệ %	Tăng (+) / Giảm (-)	Diện tích Năm 2035	Tỷ lệ %
-1	-2	-3	-4		-5	-6		-7	-8	
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính		**896,70**	**100**		**896,70**	**100**		**896,70**	**100**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**719,32**	**80,21**	**(56,50)**	**662,82**	**73,92**	**-40.80**	**622,02**	**69,37**

1.1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	***SXN***	***433,42***	***48,33***	***(28,48)***	***404,94***	***45,16***	***-20.73***	***384,21***	***42,85***
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	50,64	5,647	(2,61)	48,03	5,36	-2.61	45,43	5,07
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	152,04	16,95	(15,84)	136,20	15,19	-16.05	120,15	13,40
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	230,74	25,73	(10,04)	220,70	24,61	-2.07	218,63	24,38
1.2	***Đất lâm nghiệp***	***LNP***	***278,18***	***31,02***	***(27,84)***	***250,34***	***27,92***	***-20.08***	***230,27***	***25,68***
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	278,18	31,02	(27,84)	250,34	27,92	-20.08	230,27	25,68
1.3	***Đất nuôi trồng thuỷ sản***	***NTS***	***9,03***	***1,007***	***(0,18)***	***8,85***	***0,99***	***0***	***8,85***	***0,99***
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**176,53**	**19,68**	**56,50**	**233,03**	**25,99**	**40.80**	**273,83**	**30,54**
2.1	***Đất ở***	***OCT***	***50,92***	***5,67***	***12,50***	***63,42***	***7,07***	***1,00***	***64,42***	***7,18***
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	50,92	5,67	11,86	62,78	7,00	0	62,78	7,00
2.2	***Đất chuyên dùng***	***CDG***	***46,59***	***5,195***	***44,64***	***91,23***	***10,17***	***56.36***	***147,59***	***16,46***
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,43	0,047	0,45	0,88	0,10	0	0,88	0,10
2.2.2	Đất an ninh	CQP	0,10	0,011	0,1	0,20	0,02	0	0,02	0,00
2.2.3	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4,95	0,552	4,25	9,20	1,03	0	6,20	0,69
2.2.4	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	44,10	4,918	1,25	45,35	5,06	0	45,35	5,06
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	SKX	0,11	0,012	40,26	40,37	4,50	89.81	130,18	14,52
2.3	***Đất cơ sở tín ngưỡng***	***TIN***	***2,13***	***0,237***	***1,00***	***3,13***	***0,35***	***0***	***3,13***	***0,35***
2.4	***Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT***	***NTD***	***4,47***	***0,498***	***1,00***	***5,47***	***0,61***	***0,50***	***5,97***	***0,67***
2.5	***Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***	***SON***	***58,48***	***6,521***	***(0,07)***	***58,41***	***6,51***	***-14.32***	***44,09***	***4,92***
2.6	***Đất có mặt nước chuyên dùng***	***MNC***	***12,94***	***1,443***	***0***	***12,94***	***1,44***	***0***	***12,94***	***1,44***
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**0,85**	**0,094**	**0**	**0,85**	**0,09**	**0**	**0,85**	**0,09**

6. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Định hướng quy hoạch giao thông.

Định hướng quy hoạch giao thông

Theo đồ án quy hoạch vùng đã được phê duyệt quy hoạch các tuyến đường mới nhằm phục vụ đi lại giao thương giữa xã với các vùng khác trong khu vực. Đây là hạng mục hết sức quan trọng ảnh hưởng sâu sắc tới phát triển toàn xã.

- Giao thông đối ngoại:

Tỉnh lộ:

- TL 294D lộ giới 42-45m đi qua thôn Trại Hồng Nam độ dài 1,5km.

Xã đề xuất dịch tuyến đoạn giao cắt TL 292C. Dịch chuyển từ giữa khu dân cư quy hoạch sang đoạn đường liên thôn cạnh nhà văn hóa Trại Hồng giúp thuận lợi cho việc di chuyển của Nhân dân và chi phí xây dựng cho Nhà nước.

- TL 294C đi qua thôn Đồng Nghĩa lộ giới 42-45m độ dài 0,2km.

Huyện lộ:

- HL 60D lộ giới 42-45m độ dài 3,4km.

- HL 56 lộ giới 31,4m độ dài 2km.

- HL 60C lộ giới 31,4m độ dài 1,5km.

- Quy hoạch mở rộng đường trục xã 5km từ 8m lên 16m với lòng đường rộng 6m.

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường trục thôn 12km từ 5m lên 9m với lòng đường 5m.

+ Quy hoạch tuyến đường dân cư quanh khu du lịch sinh thái hồ Cầu Cháy lộ giới 9,5m.

+ Quy hoạch tuyến đường dân cư từ Trại Hồng quanh hồ Suối Cấy lộ giới 9,5m.

+ Tuyến đường trục nội đồng có tổng chiều dài 13km: Chỉnh trang, tu bổ mặt đường, trong giai đoạn đầu đảm bảo mỹ quan và chất lượng đường, tăng cường quản lý hành lang đường bộ dài hạn, mở rộng mặt cắt quy mô từ 3m lên 6,5m tối thiểu.

6.2. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước cấp cho địa bàn xã được lấy từ hệ thống nước sạch từ thị trấn Cầu Gồ, nguồn nước Sông Sỏi, đập Suối Cấy và giếng khoan.

Tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng nước:

Tiêu chuẩn dùng nước: Đến năm 2025 là 80 lít/người/ngày đêm. Đến năm 2035 là 100 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch 100%.

Các công trình công cộng xác định theo quy mô, tính chất của các công trình và quy chuẩn quy phạm. Các nhu cầu khác xác định theo quy chuẩn quy phạm.

Tổng nhu cầu cấp nước toàn xã:

+ Năm 2030 (lấy tròn): 593m^3/ngđ.

+ Năm 2035 (lấy tròn): 735m^3/ngđ.

6.3. Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước

* Thoát nước mặt:

- Do mật độ xây dựng còn thưa thoáng, hiện tại nước mưa tự thấm một phần, phần còn lại nước mặt tiêu thoát chủ yếu theo địa hình về mương tiêu.

- Hệ thống thoát nước chung, (nước mưa và nước thải thoát sinh hoạt thoát chung).

- Đối với các tuyến đường trong khu dân cư có mật độ cao bố trí hệ thống rãnh thu nước nắp đan thu nước mặt đường và thu nước thải sinh hoạt sau đó đổ vào hệ thống sống hồ. Đối với đường ngoài khu dân cư đường tỉnh, đường liên xã bên taluy - phải bố trí hệ thống rãnh dọc thu nước, các đường tụ thủy phải gia cố tạo bậc giảm áp.

* Thoát nước thải:

- Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại, không được xả nước ra ao, hồ, kênh rạch, sông suối tự nhiên,...

6.4. Quy hoạch cấp điện

6.4.1. Định hướng cấp điện

a) Nguồn và lưới điện trung áp:

- Nguồn điện cung cấp do nguồn điện của lưới điện quốc gia từ trạm 110kV Cầu Gồ công suất 1x25MVA, cách trung tâm xã khoảng 1km.

- Đường điện 35kV hiện trạng sẽ được cải tạo, nâng cấp tiết diện, dịch chuyển cho phù hợp với quy hoạch giao thông.

b) Trạm biến áp 35(22)/0,4KV.

Cải tạo tuyến 35kV theo đề án phát triển của ngành điện.

+ Lưới hạ áp 0,4KV: Xây dựng mới toàn bộ đến tận các hộ dân. Lưới 0,4KV đi nổi, tổ chức mạng hình tia, dùng cáp có bọc cách điện (ABC) tiết diện 120-50mm2, bắt nổi trên cột điện bê tông ly tâm.

+ Đường trục: Xây dựng mới và cải tạo đường dây 0,4KV. Sử dụng cột BTLT 8,5m, và 10m, dây dẫn dùng dây ABC (4x70) đến dây ABC (4x120). Các tuyến đường dây 0,4KV trục chính không dài quá 500m.

+ Đường nhánh: Dùng dây ABC (4x35) đến dây ABC (4x70). Sử dụng cột H-8,5 và cột cũ tận dụng từ đường trục 0,4KV hiện có.

c) Lưới điện hạ áp và chiếu sáng:

- Lưới điện hạ thế thiết kế theo dạng hình tia phân nhánh. Để bảo đảm độ tin

cậy cấp điện đề nghị các tuyến đường dây 0,4KV trục chính không dài quá 500m.

- Lưới chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính tại một bên đường và hai bên, hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm. Tại các khu vực ngõ xóm dân cư ở tập trung lưới chiếu sáng đi kết hợp chung cột với lưới 0,4KV. Thiết bị chiếu sáng dùng loại đèn hiện đại tiết kiệm điện năng. Giai đoạn trước mắt đầu tư mạng lưới chiếu sáng ở khu trung tâm.

6.5. Quy hoạch nghĩa trang, rác thải, môi trường

a) Định hướng Quy hoạch

Nghĩa trang:

+ Mở rộng nghĩa trang Đền Giếng-Trại Nhất (0,5ha-Tổng 0,96ha) tại thôn Trại Nhất.

+ Mở rộng nghĩa trang Đền Hồng-Trại Nhì-Đồng Nghĩa (1,25ha-Tổng 1,5ha).

+ Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Trại Sáu (0,3ha-Tổng 0,5ha).

- Các nghĩa trang được phân khu cát táng 2m^2/người, hung táng 5m^2/người, nghĩa trang có đường vào, có nơi làm lễ tưởng niệm, có người quản lý theo Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ.

- Hạn chế tối đa ảnh hưởng tới các khu dân cư.

- Tuân thủ tuyệt đối tiêu chuẩn xây dựng Nghĩa trang Nhân dân.

Rác thải: Quy hoạch bổ xung các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các thôn với bán kính phục vụ theo quy định.

Giai đoạn (2022-2030) 0,5kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 70%. Tổng lượng rác thải: 2,04 tấn/ngày/đêm = 744,6 tấn/năm.

Giai đoạn (2030-2035) 0,8kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 85%. Tổng lượng rác thải: 2,83 tấn/ngày = 1.032,95 tấn/năm.

+ Quy hoạch khu tập kết rác thải tại bản Cầu Tư (0,47ha).

+ Quy hoạch bãi đổ thải xây dựng 0,51ha tại bản Đền Hồng.

7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

7.1. Giai đoạn 2022 - 2030

1) Điểm tiểu thủ công nghiệp 1 bản Cầu Tư (0,2ha).

2) Điểm tiểu thủ công nghiệp 2 bản Cầu Tư (2,4ha).

3) QH 2 khu khai thác đất Bản Cầu Tư (13,5ha).

4) Khu tập kết rác thải xã (0,5ha).

5) Khu trồng cây dược liệu (5ha).

6) Khu dân cư Trại Hồng (6,2ha).

7) Mở rộng khu văn hóa thể thao Bản Làng Ba (0,15ha-Tổng 0,22ha).

8) Mở rộng TT văn hóa thôn Trại Hồng (0,08ha-Tổng 0,14ha).

9) Quy hoạch điểm TTCN thôn Trại Hồng 0,5ha.

10) Đất thương mại dịch vụ Đền Giếng (1ha).

11) Mở rộng trường tiểu học (0,8ha-Tổng 1,3ha).

12) Khu sân thể thao xã Hồng Kỳ (0,5ha).

13) Mở rộng khuôn viên UBND xã (0,25ha).

14) Trụ sở công an xã (0,15ha).

15) Mở rộng trung tâm văn hóa thôn Trại Hồng Nam (0,3ha-Tổng 0,4ha).

16) Trang trại chăn nuôi gia cầm (1,3ha).

17) Mở rộng nghĩa trang thôn Trại Sáu (0,3ha-Tổng 0,5ha).

18) Mở rộng nhà văn hóa - sân thể thao thôn Trại Sáu (0,06ha-Tổng 0,16ha).

19) Mở rộng nhà văn hóa - sân thể thao thôn Đồng Nghĩa (0,6ha-Tổng 0,8ha).

20) Khu chăn nuôi dê, gia súc công nghệ cao (10ha).

21) Khu khai thác đất thôn Trại Hồng (20ha).

24) Quy hoạch trạm y tế (0,65ha).

25) Mở rộng trường THCS (2,3ha-Tổng 2,8ha).

26) Mở rộng nhà văn hóa - sân thể thao thôn Đền Giếng (0,1ha-Tổng 0,25ha).

27) Mở rộng trường mầm non(1,1ha-Tổng 1,6ha).

28) Quy hoạch KDC tập trung số 1 xã Hồng Kỳ (6ha).

29) Quy hoạch bãi đổ thải rắn (0,52ha).

30) Mở rộng nghĩa trang Đền Giếng- Trại Nhất (0,5ha).

32) Mở rộng nghĩa trang Đền Hồng- Trại Nhì- Đồng Nghĩa (1,25ha-Tổng 1,5ha).

33) Mở rộng di tích lịch sử Kỳ Đồng (0,5ha-Tổng 1,7ha).

34) Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa Đền Hồng (0,06ha-Tổng 0,2ha).

35) Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa Trại Nhì (0,08ha-Tổng 0,6ha).

7.2 Giai đoạn 2031 - 2035

22) Quy hoạch khu đô thị sinh thái hồ Cầu Cháy (60ha).

23) Quy hoạch khu thương mại dịch vụ và du lịch hồ Suối Cấy (25ha).

31) Điểm tiểu thủ công nghiệp Đền Hồng-Trại Nhất (11,5ha).

(Ghi chú: Đánh số thứ tự theo số thứ tự trên bản vẽ định hướng quy hoạch)

8. Các nội dung khác: Theo bản vẽ và thuyết minh quy hoạch được thẩm định, phê duyệt kèm theo.

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ đã thể hiện được đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ.

(Có Quy định quản lý theo đồ án kèm theo hồ sơ quy hoạch)

Điều 2. UBND xã Hồng Kỳ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công bố, cắm mốc giới theo quy hoạch ra ngoài thực địa.

- Điều chỉnh các quy hoạch có liên quan theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Kỳ đến năm 2035.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Y tế, Điện lực Yên Thế, Kho bạc Nhà nước huyện, UBND xã Hồng Kỳ và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT HU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ BẮC GIANG

Nguyễn Văn Tuyền